TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 23-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Phi Hoàn.

2. Ông Mùa A Vàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên,Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1997 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: TK4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Trần Thị Q; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 28/02/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Tô Văn B; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 3 năm 1988 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: TKV, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tô Văn Q và bà Đỗ Thị G; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; tiền sự: Ngày 25/8/2016 bị Tòa án nhân dân bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La với thời gian 24 tháng; Nhân thân: Ngày 28/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản";Ngày 13/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 44 tháng 10 ngày về tội "Trộm cắp tài sản"; ; Ngày 20/4/2010 bị Công an huyện B, tỉnh Sơn La xử lý vi phạm hành chính với số tiền phạt là 350.000 đồng về hành vi " Gây rối trật tự công cộng". Các án tích, xử lý vi phạm hành chính đó đã được xóa. Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 28/02/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3.Vàng Nhìa C; Tên gọi khác: Và Nhìa C, Và A D, Và A G; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1981 tại huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng Súa M (đã chết) và bà Ly Thị S; Có vợ Giàng Thị M; Có 06 con, con lớn nhất 18 tuổi, con nhỏ nhất 05 tuổi; Tiền án,tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/7/2001 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";Ngày 13/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Các án tích đã được xóa. Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 28/02/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vàng Nhìa C:* Ông Đàm Mạnh Hùng, Luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/02/2019 Tô Văn B rủ Lê Văn Đ đi đến nhà Vàng Nhìa C ở bản M, xã C, huyện M để hỏi, tìm mua ma túy về sử dụng. B gặp C hỏi mua ma túy nhưng C không có nên hẹn khi nào có ma túy thì gọi điện cho B. Ngày 27/02/2019, Và Nhìa C gặp một người đàn ông dân tộc thái ở trong bản hỏi C có mua ma túy không, do không có tiền mua C dùng điện thoại của mình gọi cho B nói "Có hàng rồi đấy, muốn mua thì đến anh mua cho", qua điện thoại B nói với C "Anh mua cho em hai phân trắng, còn lại mua cho em viên hồng tổng 2.000.000đồng", xong C nói với người đàn ông dân tộc Thái "Chiều nay có người ở B muốn mua hai phân trắng, còn lại mua hồng, tổng số tiền hai triệu đồng, nếu bán chiều đến nhà bán cho họ", người đàn ông dân tộc Thái nhất trí.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, B gọi điện thoại rủ Đ lên nhà C mua ma túy về sử dụng, Đ đồng ý điều khiển xe máy biển kiểm soát 26E1-06021 của bà Trần Thị Q là mẹ đẻ của Đ chở B đi đến nhà C. Đến khoảng 15 giờ, B và Đ đến nhà C, tại đây B đưa cho C số tiền 2.000.000đồng và bảo mua ma túy cho, C cầm tiền và đưa 2.000.000đồng cho người đàn ông dân tộc Thái tại trước cửa ra vào nhà C. Người đàn ông dân tộc Thái cầm lấy tiền và đưa cho C 02 gói Heroin được gói bằng nilon màu hồng, 01 gói nilon màu đen bên trong chứa viên hồng phiến. Còn người đàn ông dân tộc Thái đi đâu C không biết, C cầm gói ma túy đưa cho B tại bàn uống nước. B mở gói nilon màu đen ra đếm số viên hồng phiến được tổng cộng là 60 viên (trong đó có 58 viên màu hồng, 02 viên màu xanh), Đ ngồi cạnh xem. Sau khi kiểm tra xong, B đưa cho C 02 viên hồng phiến màu hồng để trả công cho C vì đã mua ma túy cho B. Sau khi lấy được ma túy B và Đ ở lại nhà C, lấy 06 viên hồng phiến màu hồng ra sử dụng bằng hình thức hút. Khi sử dụng xong ma túy B xé mảnh nion màu đen ra làm 02 mảnh, một mảnh gói lại 52 viên hồng phiến, rồi cho gói nilon có 52 viên hồng phiến và 02 gói Heroin vào chung mảnh nilon màu đen còn lại, B xé lấy cuộn băng dính màu đen tại bàn uống nước nhà C quấn bên ngoài gói ma túy lại. Đ lấy xe máy điều khiển chở B trong tay phải cầm gói ma túy đi về B với mục đích để sử dụng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi Đ chở B đi về đến km 429 Quốc lộ

37 thuộc địa phận bản T, xã T, huyện B gặp tổ công tác Công an huyện B yêu cầu dừng xe kiểm tra, ngay lúc này B đã vứt gói ma túy cầm trên tay về phía sau, bên phía tà luy dương. Tổ công tác đã phát hiện gói ma túy tại mép đường phía tà luy dương Quốc lộ 37 phía sau đuôi xe máy của Đ cách 1,5 mét và yêu cầu Đ, B trình bày về gói ma túy có đặc điểm nêu trên thì Đ đã khai rõ toàn bộ nội dung cùng B đi mua ma túy về, còn B không thừa nhận gói ma túy đó của mình nên tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ niêm phong vật chứng.Vật chứng thu giữ gồm:02 gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 gói nilon màu đen bên trong chứa viên hồng; 01chiếc xe máy biển kiểm soát 26E1-06021 cùng 01 chiếc chìa khóa xe máy số B593; Thu giữ với Tô Văn B khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp: 01 điện thoại di động 110i, bên trong có số thuê bao 0967969710; Thu giữ với Lê Văn Đ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong có số thuê bao 0865646613; Thu giữ với Vàng Nhìa C khi khám xét khẩn cấp nơi ở: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, bên trong có số thuê bao 0899820690; 01 cuộn băng dính màu đen hình tròn.

Ngày 01/3/2019Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mở niêm phong cân tịnh toàn bộ số chất bột màu trắng trong 02 gói nilon màu hồng và toàn bộ số viên nén màu hồng và màu xanh trong 01 gói nilon màu đen đã thu giữ đối với Tô Văn Bvà Lê Văn Đ, kết quả cân tịnh như sau: 01gói nilon màu đen có 52 viên nén màu hồng và màu xanh có tổng khối lượng cân tịnh là 4,890g (Bốn phẩy tám chín không gam), lấy ra 02 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh có tổng khối lượng 0,28g(Không phẩy hai mươi tám gam)ký hiệu M1 làm mẫu giám định. Số vật chứng còn lại 49 viên nén màu hồng và màu xanh có khối lượng 4,61g (Bốn phẩy sáu mươi mốt gam)ký hiệu C1 là vật chứng vụ án; Số chất bột màu trắng bên trong mảnh nilon màu hồng thứ nhất có khối lượng cân tịnh là 0,31g(Không phẩy ba mươi mốt gam), tiến hành lấy toàn bộ làm mẫu giám định, ký hiệu M2; Số chất bột màu trắng bên trong mảnh nilon màu hồng thứ hai có khối lượng cân tịnh là 0,30g(Không phẩy ba mươi gam), tiến hành lấy toàn bộ làm mẫu giám định, ký hiệu M3.

Ngày 03/3/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số: 522/KLMT: Mẫu gửi giám định M1 là ma túy loại Methamphetamine khối lượng gửi giám định là 0,28 gam, tổng khối lượng thu giữ 4,890g. Mẫu gửi giám định M2 và M3 đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,61g, tổng khối lượng ma túy thu giữ là 4,890g, loại Methamphetamine và 0,61g, loại Heroine. Tổng khối lượng hai loại ma túy là 5,5 gam.

Tại phiên tòa công khai các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B, Vàng Nhìa C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số15/CT-VKS-BY ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố bị cáo Vàng Nhìa C phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2

Điều 249; điểm s,t khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù, áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Tô Văn B mức án từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vàng Nhìa C mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 phong bì thư niêm phong, bên trong phòng bì có: 01 cuộn băng dính màu đen thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Vàng Nhìa C; 01 phong bì thư niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La phát hành, bên trong bì thư có: 01 vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu, 02 mảnh băng dính màu đen, 02 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu hồng, 01 túi nilon màu trắng bên trong túi đựng 4,61gam Methamphetamine ký hiệu C1. Đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 03 điện thoại thu giữ của Lê Văn Đ, Tô Văn B, Vàng Nhìa C. Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện B trả lại tài sản là 01 chiếc xe máy BKS: 26E1-06021cùng 01 chiếc chìa khóa xe máy số B593 cho bà Trần Thị Q. Miễn án phí cho bị cáo Vàng Nhìa C, các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Vàng Nhìa C tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo C đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình túng thiếu, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mong Hội đồng xét xử mở rộng khoan hồng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất đủ để dăn đe; bị cáo là hộ nghèo nên đề nghị miễn phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo; những vấn đề khác theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Vàng Nhìa C bổ sung bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Ý kiến của các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B, Vàng Nhìa C có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 27/02/2019 bị cáo Vàng Nhìa C đã có hành vi mua bán trái phép 02 gói Heroine và 01 gói chứa 60 viên hồng phiến cho hai bị cáo Tô Văn B và Lê Văn Đ với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được số ma túy trên bị cáo Tô văn B cho bị cáo C 02 viên hồng để sử dụng còn bị cáo và bị cáo Lê Văn Đ lấy tiếp ra 06 viên hồng để sử dụng. Số ma túy còn lại bị cáo Tô Văn B gói lại cùng bị cáo Đ mang về, trên đường về B thì bị phát hiện bắt giữ, thu giữ vật chứng. Kết quả cân tịnh, giám định ma túy khi thu giữ có khối lượng 4,890gam, loại Methamphetamine và 0,61gam, loại Heroine; tổng khối lượng thu giữ 5,5gam.

Xét hành vi của các bị cáo mua bán cất giữ trái phép chất ma túy trên là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi nhưng đã cố ý thực hiện tội phạm với động cơ mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của bị cáo Vàng Nhìa C đã phạm vào tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; hành vi của các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Việc xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án.

Đối với bị cáo Vàng Nhìa C hành vi của bị cáo mua bán hộ 5,5 gam ma túy của một người đàn ông dân tộc Thái bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cho Tô Văn B và Lê Văn Đ để được trả công là 02 viên ma túy. Mặc dù thu lời không lớn, nhưng với khối lượng ma túy mua bán trái phép trên thuộc tội rất nghiêm trọng.Trong vụ án bị cáo phạm tội độc lập, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi bị cáo đã thực hiện được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm tù.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vàng Nhìa C: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, song nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy;ngày 16/7/2001 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy";Ngày 13/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T,

tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Vàng Nhìa C là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo Vàng Nhìa C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với hai bị cáo Tô Văn B, Lê Văn Đ là hành vi rất nghiêm trọng. Hai bị cáo đã đi mua bán cất giấu trái phép 5,5 gam ma túy để sử dụng. Hành vi phạm tội của hai bị cáo được quy định tại tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Xét về vai trò phạm tội của hai bị cáo Tô Văn B, bị cáo Lê Văn Đ: Trong vụ án hai bị cáo là đồng phạm, thuộc đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo B là người có vai trò chính là người rủ rê, chi tiền mua ma túy, còn bị cáo Đ là người giúp sức tạo điều kiện về phương tiện xe máy đưa đón bị cáo B đi mua bán ma túy và được bị cáo B hứa cho ma túy để sử dụng. Vì vậy cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với vụ án có đồng phạm, bị cáo B có vai trò lớn hơn phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Tô Văn B: bị cáo Tô Văn B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Song có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy;ngày 28/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản";Ngày 13/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 44 tháng 10 ngày về tội "Trộm cắp tài sản";ngày 20/4/2010 bị Công an huyện B, tỉnh Sơn La xử lý vi phạm hành chính với số tiền phạt là 350.000 đồng về hành vi " Gây rối trật tự công cộng"; bị cáo Tô Văn B đang có một tiền sự, ngày 25/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La với thời gian 24 tháng, mới được về hơn 6 tháng, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Khi vụ án bị phát hiện ban đầu bị cáo còn quanh co không thừa nhận hành vi phạm tội do đó khi lượng hình cũng cần xem xét về mức độ thành khẩn của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải khai báo đầy đủ các tình tiết của vụ án, bản thân bị cáo bị tàn tật do tai nạn lao động. Nên cần vận dụng điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Văn Đ bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mặc dù là đối tượng nghiện ma túy nhưng nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi bị phát hiện bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tích cực giúp cơ quan điều tra điều tra phát hiện tội phạm khai báo ra hành vi phạm tội của bị cáo Tô Văn B và Và Nhìa C. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đồng thời bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu nên cần vận dụng điều 54 quyết định hình phạt đối với bị cáo

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, phạm các tội thuộc tội rất nghiêm trọng, cần áp dụng một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo. Đồng thời cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo cácbị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

[4] Các bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản", do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lê Văn Đ, bị cáo Tô Văn B không có nghề nghiệp, Bị cáo Tô Văn B là người tàn tật cả hai bị cáo đều đang sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng có giá trị; bị cáo Vàng Nhìa C làm nghề trồng trọt, gia đình thuộc diện hộ nghèo của xã C, không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với số vật chứng còn lại gồm 49 viên nén có khối lượng 4,61gam qua giám định xác định là ma túyMethamphetamine, là loại Nhà nước cấm lưu hành và số vật chứng khác còn lại gồm: 01 cuộn băng dính màu đen thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Vàng Nhìa C; 03 vỏ phong bì thư niêm phong điện thoại ban đầu; 01 vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu, 02 mảnh băng dính màu đen, 02 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu hồng không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy. Đối với 03 điện thoại thu giữ của Lê Văn Đ, Tô Văn B, Vàng Nhìa C là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc xe máy BKS:26E1-06021 cùng 01 chiếc chìa khóa xe máy số B593 qua điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe là bà Trần Thị Q mẹ đẻ của bị cáo Lê Văn Đ việc bị cáo Đ sử dụng xe đi mua ma túy bà Q không biết, do đó cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho bà Q là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[7] Đối với nguồn gốc ma túy bị cáo Vàng Nhìa C khai mua của một người đàn ông dân tộc Thái, bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có cơ sở căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo Vàng Nhìa C là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Vàng Nhìa C (tên gọi khác: Và Nhìa C, Và A D, Và A G) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 04 năm (bốn năm) 06 tháng (sáu tháng) tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời gian thụ hình tính từ ngày 28/02/2019 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tô Văn B 05 năm (năm năm) 06 tháng (sáu tháng) tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời gian thụ hình tính từ ngày 28/02/2019 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vàng Nhìa C 07 năm (bảy năm) tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời gian thụ hình tính từ ngày 28/02/2019 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 túi nilon màu trắng bên trong túi đựng 4,61gam (49 viên) màu hồng và màu xanh là Methamphetamine ký hiệu C1; 01 cuộn băng dính màu đen;03 vỏ phong bì thư niêm phong điện thoại ban đầu; 01 vỏ phong bì thư niêm phong ban đầu, 02 mảnh băng dính màu đen, 02 mảnh nilon màu đen, 02 mảnh nilon màu hồng.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 03 (ba) chiếc điện thoại của các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B, Vàng Nhìa C.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án huyện B, tỉnh Sơn La).

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Tô Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Vàng Nhìa C.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
-Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
-VKSND huyện B;
-CA huyện B;
-Trại tạm giam;
-Chi cục THADS huyện B;
-Các bị cáo;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Thái Văn Tùng